

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

NHÓM PHÓ TỪ CHỈ MỨC ĐỘ TRONG TIẾNG VIỆT

ĐỖ PHƯƠNG LÂM*

TÓM TẮT: Trong tiếng Việt, phó từ là một trong những hư từ công cụ quan trọng bậc nhất để biểu thị các quan hệ ngữ pháp như thời, thể,... Phó từ chỉ mức độ diễn tả các thang độ: thấp, vừa, cao và tuyệt đối của trạng thái, tính chất hay hành động. Bài viết này tập trung phân tích những đặc điểm về ngữ pháp, ngữ nghĩa và đặc điểm sử dụng của các phó từ chỉ mức độ thông dụng nhất của tiếng Việt, như: *hơi, khá, tương đối, rất, lắm, quá, thậm chí, tối, cực, cực kì, cực lực, kịch liệt, hết sức, vô cùng, tuyệt đối*... Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung lí thuyết về hư từ tiếng Việt và có thể sử dụng làm tài liệu dạy học, đặc biệt là dạy học ngữ pháp tiếng Việt cho người nước ngoài.

TỪ KHÓA: phó từ chỉ mức độ; hư từ công cụ; những đặc điểm ngữ pháp; ngữ nghĩa và sử dụng; dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.

NHẬN BÀI: 19/03/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 07/05/2024

1. Mở đầu

Để diễn tả hoặc đánh giá về mức độ (degree) của trạng thái, tính chất và hành động, các ngôn ngữ trên thế giới đều dựa vào các *phó từ chỉ mức độ* (adverbs of degree). Chẳng hạn, tiếng Anh có một số chỉ mức độ như: *quite, fairly, almost, very, really, pretty, too, extremely, completely*,... So với các ngôn ngữ khác, tiếng Việt có hệ thống phó từ chỉ mức độ rất phong phú, đủ để diễn tả một cách sinh động các thang độ miêu tả. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích những đặc trưng về ngữ pháp, ngữ nghĩa của các phó từ chỉ mức độ của tiếng Việt. Bên cạnh việc khái quát những vấn đề lí thuyết, bài viết còn hướng tới việc hệ thống hóa cách sử dụng từng phó từ, nhằm giúp cho việc dạy học tiếng Việt được thuận lợi hơn.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về phó từ chỉ mức độ

Phó từ chỉ mức độ (PTMD) là những từ kết hợp với các tính từ, động từ để diễn tả mức độ của trạng thái, tính chất và hành động được nói đến. Nếu như trợ từ là những từ có chức năng đánh giá ở phạm vi câu, gia tăng yếu tố tình thái cho một phát ngôn; thì phó từ có chức năng bổ trợ cho từ trung tâm trong kết cấu đoạn ngữ. Các phó từ chỉ mức độ hướng tới việc bổ trợ, đánh giá về mức độ (thấp - vừa - cao - tuyệt đối) cho những tính từ, động từ đứng bên cạnh nó.

PTMD làm thành phần phụ trong đoạn ngữ tính từ hoặc đoạn ngữ động từ. Có thể khái quát hóa cấu trúc như sau: **PTMD + tính từ/ động từ = đoạn ngữ tính từ/ đoạn ngữ động từ**

Về vị trí trong đoạn ngữ, PTMD chủ yếu đứng trước tính từ/ động từ mà nó bổ trợ. Ví dụ: *rất đẹp/ cực xinh/ quá khó/ hơi xa/ vô cùng nóng nực*.

Tuy nhiên, một số lượng hữu hạn PTMD cũng có thể đứng sau tính từ hay động từ mà nó bổ trợ. Ví dụ: *hay lắm/ đẹp quá/tệ vô cùng*...

Về phân loại, trong bài viết này, chúng tôi phân chia PTMD theo 4 thang mức độ, bao gồm: *thấp - vừa - cao - tuyệt đối*. Bảng dưới đây cho thấy phân bố các PTMD của tiếng Việt theo 4 thang mức độ, như sau:

Bảng 1. Bảng phân loại phó từ chỉ mức độ của tiếng Việt

Thang mức độ			
Thấp	Vừa/trung bình	Cao	Tuyệt đối
<i>hơi</i>	<i>khá, tương đối</i>	<i>rất, lắm, quá, thậm chí, đại, chúa</i>	<i>tối, cực, cực kì, cực lực, kịch liệt, hết sức, vô cùng, tuyệt đối</i>

*TS; Trường Đại học Hải Phòng; Email: dolamdhpp@gmail.com

2.2. Đặc điểm ngữ pháp

Phó từ thường kết hợp với tính từ/ động từ để bổ sung/ hạn định ý nghĩa cho từ trung tâm. Tuy nhiên, mỗi PTMD lại có khả năng kết hợp một cách hạn chế với các từ loại (tính từ/ động từ) khác nhau như thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 2. Khả năng kết hợp với các từ loại của phó từ chỉ mức độ

Phó từ chỉ mức độ	Khả năng kết hợp		
	Tính từ	Động từ	Ví dụ
<i>hơi</i>	+	+	<i>hơi buồn/ hơi thích</i>
<i>khá</i>	+	-	<i>khá hay, khá đẹp</i>
<i>tương đối</i>	+	-	Bài toán <i>tương đối</i> khó
<i>rất</i>	+	-	<i>rất đẹp, rất lạnh lùng</i>
<i>lắm</i>	+	-	cao <i>lắm</i> , xa xôi <i>lắm</i>
<i>quá</i>	+	-	<i>quá đẹp, quá nhanh</i>
<i>thậm</i>	+	+	<i>thậm</i> vô lý, <i>thậm</i> ghét
<i>đại</i>	+	-	(cười) <i>đại</i> vô duyên
<i>chúa</i>	+	+	<i>chúa</i> ghét..., <i>chúa</i> lười.
<i>tối</i>	+	-	(điều kiện) <i>tối</i> cần thiết.
<i>chỉ</i>	+	-	(nói) <i>chỉ</i> phải
<i>cực</i>	+	+	<i>cực</i> lớn, <i>cực</i> rẻ, <i>cực</i> thích
<i>cực kì</i>	+	-	<i>cực kì</i> hiệu nghiệm
<i>cực lực</i>	-	+	<i>cực lực</i> lên án
<i>cực độ</i>	+	-	<i>cực độ</i> vui mừng/ <i>cực độ</i> yêu thích
<i>kịch liệt</i>	-	+	<i>kịch liệt</i> phản đối
<i>tuyệt đối</i>	+	-	Trên trời cũng <i>tuyệt đối</i> im lặng
<i>vô cùng</i>	+	-	<i>vô cùng</i> tươi đẹp

Trong bảng 2, trừ các từ *cực lực*, *kịch liệt* tất cả các phó từ còn lại đều có thể kết hợp được với tính từ. Các PTMD có khả năng kết hợp được với động từ bao gồm: *chúa*, *cực*, *cực lực*, *kịch liệt*, *thậm*,...

2.3. Đặc điểm ngữ nghĩa

2.3.1. Nhóm PTMD biểu thị thang độ thấp

Biểu thị thang độ thấp, chỉ có duy nhất phó từ *hơi*. Phó từ *hơi* chỉ kết hợp với các tính từ mang nghĩa tiêu cực, như: *hơi* mệt, *hơi* nản, *hơi* xa, *hơi* buồn... Ngược lại, PTMD *hơi* không thể kết hợp với các tính từ mang nghĩa tích cực, như: *X hơi vui*, *hơi đẹp*.

Hơi thường kết hợp với *một chút*, *một tí*, làm thành cấu trúc: ***hơi* + tính từ + *một chút/ một tí/ một xíu***. Ví dụ:

(1) Thị ***hơi*** nguội lòng ***một chút***. [Nam Cao, *Trẻ con không được ăn thịt chó*]

(2) Nó ***hơi*** dài dòng ***một tí***. [Nam Cao, *Lão Hạc*]

Hơi cũng kết hợp với *một chút là/ thì*, *một tí là/ thì*, làm thành cấu trúc quán ngữ: ***hơi một tý là/ thì...*** Ví dụ: *Hơi một tý thì đổi*.

2.3.2. Nhóm PTMD biểu thị thang độ vừa/ trung bình

Khá và *tương đối* đều vốn là những tính từ chuyển hóa thành phó từ. Phó từ *khá* và *tương đối* đứng trước tính từ để diễn đạt ý nghĩa mức độ vừa của tính chất hay trạng thái (của chủ thể). *Tương*

đối diện đạt ở mức độ nào đó nhất định, không chính xác, vào khoảng trung bình, bình thường so với bản thân chủ thể hoặc so sánh với những cái khác cùng loại, còn *khá* là sự đánh giá cao hơn một chút so với mức trung bình. Ví dụ:

(3) *Khi ấy Kiên đã học cấp 3, tương đối lớn và đã hiểu được nhiều.* [Bảo Ninh, *Nỗi buồn chiến tranh*]

Trong câu (3), vì nhân vật Kiên “đã học cấp 3” cho nên mức độ *lớn* của Kiên được đánh giá là trung bình và được đặt trong thể so sánh với sự phát triển về thể chất và trí tuệ của con người nói chung.

Khi được dùng để đánh giá về trạng thái kèm theo một thang bậc nhất định, *khá* cho thấy mức độ nhỉnh hơn, cao hơn, khác với những thứ đồng loại được đem ra so sánh. Vì thế, *tương đối* và *khá* trong trường hợp này không thể thay thế cho nhau. Ví dụ:

(4) *Dù sao đến lúc này đánh ngoài công sự cũng tương đối dễ dàng hơn.* [Nguyễn Minh Châu, *Dấu chân người lính*]

Ở câu (4), không thể thay thế *khá* cho *tương đối* được.

Còn lại, đại đa số các trường hợp đánh giá ở mức độ nhỉnh hơn mức trung bình, *tương đối* có ý nghĩa tương đương với phó từ *khá* và chúng có thể thay thế được cho nhau. Ví dụ: *Cậu bé học tương đối/ khá tốt; Nó chạy tương đối/ khá nhanh; Chiếc áo này tương đối/ khá đắt; Cô ấy vẽ tương đối/ khá đẹp, v.v.*

2.3.3. Nhóm PTMD biểu thị thang độ cao

Nhóm này gồm các phó từ: *rất, lắm, quá, thậm, chí, đại, chúa,*

Nhóm 3 từ: *rất, quá, lắm* là những phó từ có tần suất hoạt động rất cao trong tiếng Việt. Về đặc điểm kết hợp: *rất* luôn đi kèm trước tính từ trung tâm để biểu thị sự đánh giá mức độ cao về tính chất, trạng thái. Ví dụ: *rất đẹp, rất hay, rất phát triển,...* *Lắm* vốn là tính từ (tương đương với nhiều) chuyên loại thành phó từ, chỉ có thể đi kèm sau từ trung tâm. Ví dụ: *vui lắm, xa lắm, đẹp lắm, nhanh lắm, v.v.* Cần phân biệt *lắm* với vai trò là tính từ trong khi kết hợp với phó từ *quá* ở ví dụ dưới đây:

(5) *Cho một đồng cũng quá lắm rồi.* [Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*]

Riêng phó từ *quá* cùng lúc có khả năng kèm trước hoặc kèm sau tính từ trung tâm mà không thay đổi ý nghĩa. So sánh:

(6) *Khổ nhiều quá rồi/ khổ quá nhiều rồi.*

(7) *Quá tuyệt vời/ Tuyệt vời quá.*

Dù *quá* đứng trước hay sau các tính từ thì ý nghĩa thông báo của mệnh đề chứa nó cũng không thay đổi, hoặc có thay đổi cũng rất khó mà cảm nhận thấy được sự khác biệt. Ta thử hoán đổi vị trí của *quá* trong một số kết hợp:

(8) *Chớ quá khôn = chớ khôn quá*

(9) *Em thấy tui thân quá = Em thấy quá tui thân*

(10) *Chị mừng quá = Chị quá mừng*

Về mặt ý nghĩa, trong nhóm, có chút khác biệt về ý nghĩa tình thái: 2 từ *rất, lắm* biểu thị ý nghĩa miêu tả thông thường còn *quá* biểu thị nhận định, đánh giá về mức độ cao vượt qua giới hạn thông thường, vượt quá chuẩn mực thông thường. *Quá* là phó từ có tính tình thái cao hơn *rất/ lắm*. Do vậy, ở những trường hợp bày tỏ sự nhận định, đánh giá của người nói thì thường dùng phó từ *quá*. Phân biệt:

(11) *Mai cảm động buột mồm nói ra câu quá thân mật.* [Khái Hưng, *Nửa chừng xuân*]

Từ *quá* trong câu trên là một nhận định chủ quan của người viết, vì thế không thể dùng *rất, lắm* thay thế vì câu sẽ trở thành lối miêu tả về lượng một cách đơn thuần. Không thể nói:

(11a) *Mai cảm động buột mồm nói ra câu rất thân mật.* (×)

(11b) *Mai cảm động buột mồm nói ra câu thân mật lắm.* (×)

Ngoài ra, *quá* cũng có sự phân biệt về chức năng với các phó từ thuần Việt có ý nghĩa tương đương. So sánh:

+ *Quá* có thể xuất hiện trong câu cầu khiến còn các phó từ thuần Việt: *rất, lắm* thì không có khả năng này. Chẳng hạn có thể nói: (12) *Đừng quá ngông cuồng*. Nhưng không thể nói:

(12a) - *Đừng rất ngông cuồng*. (×)

(12b) - *Đừng ngông cuồng lắm*. (×)

Sở dĩ có hiện tượng này là bởi vì như trên đã nói: *rất, lắm* mang ý nghĩa miêu tả mức độ cao một cách đơn thuần, còn *quá* bao hàm ý nghĩa đánh giá: vượt quá giới hạn thông thường, giới hạn cho phép.

+ Trong câu nghi vấn, có thể dùng *quá* mà không thể dùng *rất*. Ví dụ:

Có thể nói: - *Cái áo này có quá đắt không?*

Không thể nói: - *Cái áo này có rất đắt không?* (×)

Còn nếu nói: - *Cái áo này có đắt lắm không?* thì nội dung câu hỏi là hỏi về giá trị của chiếc áo. Tức là, nội dung hỏi đã được cụ thể hóa về một mức giá trị nhất định, chứ không còn hỏi để đánh giá về mức độ đắt rẻ của cái áo.

+ Để trả lời câu hỏi dạng *có - không?* thông thường có thể dùng *rất, lắm* mà rất ít dùng *quá*. Hoặc nếu có dùng *quá* trong trường hợp này cũng làm cho câu nói trở nên ngô nghê, không thông dụng. Chẳng hạn:

Hỏi: *Anh có vui không?*

Trả lời: *"Tôi rất vui"* hoặc *"Tôi vui lắm"*.

Ít dùng: *"Tôi vui quá"* hoặc *"Tôi quá vui"*.

Nhóm 3 từ: *thậm, đại, chúa* là những từ gốc Hán Việt, ít dùng hơn so với *rất, lắm, quá*. Cả 3 từ đều đứng liền trước động từ/ tính từ trung tâm để diễn đạt mức độ cao hơn, vượt quá mức bình thường. Tuy nhiên, cách dùng của 3 từ có sự khác biệt.

Thậm là từ cổ, nay đã ít dùng. *Thậm* thường chỉ xuất hiện trong các tác phẩm văn học giai đoạn 1930-1945 trở về trước hoặc trong lối nói văn chương. Nhưng càng về sau, tần suất hoạt động của *thậm* giảm rõ rệt và bắt đầu vắng bóng trong các văn bản từ thế kỉ XX trở lại đây. Đến nay, *thậm* chỉ còn được sử dụng trong ngôn ngữ văn chương, nghệ thuật, trong một vài tình huống khẩu ngữ và trong các cách nói nệ cổ. Nó tuyệt nhiên không được sử dụng trong các loại hình phong cách chức năng khác như: phong cách hành chính, phong cách khoa học. Hư từ này cũng có xu hướng trở thành yếu tố cấu tạo từ Hán Việt, như: *thậm chí, thậm tệ, thậm xưng*. Khả năng kết hợp của *thậm* khá hạn chế, chủ yếu với một số tính từ chỉ tính chất của sự vật, sự việc và một vài động từ chỉ cảm xúc của con người.

- Phụ nghĩa cho tính từ:

(13) *Nói thì dễ mà làm thậm khó*. [ví dụ của "Từ điển tiếng Việt", tr.923]

(14) *Tôi không chịu trách nhiệm về khoản ấy! Buộc tội như vậy là thậm vô lí*. [Vũ Trọng Phụng]

- Phụ nghĩa cho động từ:

(15) *Tôi thậm ghét cái thói đó*. [ví dụ của "Từ điển tiếng Việt", tr.923]

Về ý nghĩa, *thậm* tương đương với phó từ thuần Việt *rất* và một phần ý nghĩa của từ *quá*. So sánh:

(16) - *Ngày xưa có anh Trương Chi,*

Người thì thậm xấu, hát thì thậm hay. [Truyện thơ]

Chi là một từ gốc Hán. Ở trong tiếng Hán, phó từ *chỉ* biểu thị mức độ tuyệt đối, không thể hơn nữa, như: *chỉ nhân* (hết sức thương yêu con người), *chỉ dũng, chỉ công, chỉ minh, ...* Còn ở trong tiếng Việt, phó từ *chỉ* diễn đạt mức độ cao và chỉ có thể kết hợp hạn chế với một số tính từ mang tính đánh giá theo chiều: đúng - sai; phải - trái; tốt - xấu, v.v. Chẳng hạn: *chỉ phải, chỉ thân, chỉ tệ, chỉ hại, chỉ nguy*, v.v. Ví dụ:

(17) *Các anh đã tạo nên một định kiến xấu, đối xử chỉ tệ...* [Lê Lựu, *Thời xa vắng*]

(18) *Dạ, thậm cấp, thậm cấp, chỉ nguy, chỉ nguy! Quân nước Phiên đã kéo đến Lâm Truy, cách kinh kỳ có ba ki lô mét!* (Nguyễn Công Hoan, *Đào kép mới*)

(19) *Cứ để bọn ấy chiếm hết mọi địa vị trong quan trường thì thật chỉ hại cho dân, sỉ nhục cho nước*. [Vũ Trọng Phụng]

Đại và *chúa* là hai phó từ chỉ mức độ mới xuất hiện trong tiếng Việt hiện đại. Cả hai vốn được hura từ những thành tố nghĩa của thực từ. Chúng được dùng kèm trước các tính từ biểu thị mức độ cao về tính cách hay trạng thái tinh thần (thường là thuộc về con người).

Đại có gốc là tính từ biểu thị ý nghĩa to lớn (về kích thước, mức độ, quy mô). Khi chuyển loại thành phó từ, nó biểu thị ý nghĩa cao đến mức không thể hơn được nữa. Ví dụ:

(20) *Cái cười đại vô duyên*. [ví dụ của “Từ điển tiếng Việt”, tr.278]

(21) *Còn hôm nay nó muốn vì tôi là thằng Pôn-pôt-lêng-xari đại gian ác ở bên Campuchia, chuyên đóng đinh vào đầu người đấy, tôi còn lạ!* [Ma Văn Kháng]

Đại là một phó từ có khả năng kết hợp hạn chế. Nó thường chỉ đi kèm trước các tính từ chỉ tính cách, tính chất xấu, như: *đại ngốc, đại gian ác, đại bịp, đại hung ác, đại bần tiện, đại đểu cáng*, v.v.

Phó từ *chúa* được chuyển loại qua nhiều giai đoạn: từ danh từ chuyển loại thành tính từ, rồi từ tính từ chuyển loại thành phó từ. *Chúa* (*chủ*) theo từ nguyên là danh từ chỉ (a) “người có quyền lực cao nhất trong một miền, hay trong một nước có vua thời phong kiến” (b) “đấng tạo ra trời đất, làm chủ muôn loài, theo Công giáo”, v.v. [“Từ điển tiếng Việt”, tr.245]. Từ này chuyển loại thành tính từ biểu thị “rất giỏi, rất tài về một việc gì (thường là việc đáng chê, hàm ý mỉa mai)”. Cũng từ ý nghĩa ấy mà từ *chúa* đã dần chuyển nghĩa thành phó từ chỉ mức độ cao (cùng với hàm ý chê bai), như: *chúa liều, chúa lười*, v.v. Thông thường, trong các văn bản tiếng Việt, rất dễ nhầm lẫn về cương vị từ loại của từ *chúa*. Phân biệt:

(tính từ) *Công tử bột thì cũng chúa đến thế là cùng...* [Vũ Trọng Phụng]

(phó từ) *Ông ta chúa hay vờ vĩnh*. [Nguyễn Tuân]

3.4. Nhóm PTMD biểu thị thang độ tuyệt đối

Ở thang độ tuyệt đối có các phó từ: *tối, chí, cực, cực kì, cực lực, kịch liệt, hết sức, vô cùng, tuyệt đối*.

Tối và *vô cùng* làm thành nhóm phó từ chuyên đi kèm trước tính từ để diễn đạt tính chất ở mức độ cao nhất, không còn có thể hơn được nữa. Ví dụ:

(22) *Đặc điểm của cuộc bãi công là lòng căm thù đặc biệt hướng vào quan lại An Nam làm công cụ tối đắc lực cho chính quyền và là những kẻ gây ra khổ cực*. [Hồ Chí Minh toàn tập]

(23) *Mà cái nắng hanh của mùa thu vô cùng khó chịu*. [Nam Cao]

Sự phân biệt giữa *tối* và *vô cùng* chủ yếu là ở khả năng kết hợp và sắc thái ý nghĩa mà chúng biểu đạt.

Tối thường chỉ kết hợp hạn chế với một số tính từ miêu tả về tính chất của sự việc, như: *tối cần thiết, tối quan trọng, tối khẩn, tối mật, tối giản, tối phức tạp, tối sơ lược, tối kĩ*, v.v.; hoặc về trạng thái, tính cách của con người, chẳng hạn: *tối dã man, tối độc ác, tối bất nhân, tối vũ phu, tối gian xảo, tối tinh vi*, v.v. *Tối* ưa dùng trong các phong cách nghị luận, báo chí. Thích hợp với sự bình luận, đánh giá. Đặc biệt ít xuất hiện trong văn bản văn chương nghệ thuật hay phong cách hành chính.

Vô cùng thường chỉ kết hợp được với các tính từ song tiết mà rất hạn chế kết hợp với tính từ đơn tiết. Ví dụ:

(24) *Về việc đánh phá máy bay giặc Mỹ, đồng bào miền Nam vô cùng khôn khéo, dũng cảm tuyệt vời*. [Hồ Chí Minh toàn tập]

Vô cùng thường kết hợp với các tính từ diễn tả cảm xúc, cảm giác của con người. Nó được dùng trong các phong cách nghị lễ, trang trọng mà không có phó từ mức độ nào có thể thay thế được. Chẳng hạn, trong tang lễ, chỉ có thể dùng: *vô cùng đau xót/ đau đớn/ đau thương, vô cùng thương tiếc, tiếc nuối*, v.v.

Cực, cực kì là hai phó từ cặp đôi, có chung những đặc điểm ngữ pháp và ngữ nghĩa. Chúng đều phụ trước tính từ để biểu thị mức độ cao tới mức đạt giới hạn cuối cùng, không thể cao hơn. Ví dụ:

(25) *Phải thừa nhận rằng, con người ở thế kỉ này cực kì tài giỏi*.

[Trần Đăng Khoa, *Chân dung và Đối thoại*]

(26) *Nay tiến lên hợp tác xã làm ăn tập thể, đó là một sự biến đổi cực kì to, cực kì mới, cực kì tốt*.

[Hồ Chí Minh toàn tập]

Cực kì thực chất là hình thức mở rộng của *cực*. Hiện nay, *cực* đang bị “cạnh tranh” mạnh mẽ bởi phó từ *cực kì* trong tiếng Việt. Bằng chứng là, trước đây *cực* chiếm vị trí độc tôn (100% trong các văn bản thế kỉ XV-XVI) thì nay nó gần như nhường chỗ cho *cực kì*.

Giữa hai phó từ này, đang dần hình thành sự phân công về khả năng kết hợp: *cực* kết hợp với các tính từ đơn tiết, như: *cực nhỏ, cực ngắn, cực khỏe, cực lạ, cực đẹp, cực nhanh*; *cực kì* kết hợp với các tính từ song tiết, như: *cực kì cùng khôn, cực kì ôn tồn, cực kì bấp bênh, cực kì khiếp hãi, cực kì tanh tươi, cực kì ung dung, cực kì bạc nhược, cực kì do dự, cực kì khác nhau, cực kì oanh liệt, cực kì đã man, cực kì khó khăn, cực kì dữ dội, cực kì quan trọng, cực kì tươi đẹp, cực kì oanh liệt, cực kì gian nan, cực kì gay go, cực kì gian khổ, cực kì to lớn, cực kì rộng lớn, cực kì anh hùng, cực kì vĩ đại, cực kì thuận lợi, cực kì nghiêm trọng, cực kì anh dũng, cực kì mạnh mẽ, cực kì hùng mạnh, cực kì phong phú, cực kì nghiêm ngặt*;

Cực lực và *kịch liệt* là những phó từ chỉ chuyên đi kèm động từ để bổ sung ý nghĩa hành động một cách quyết liệt, mạnh mẽ nhất. Ý nghĩa của chúng cao hơn phó từ *ra sức* và tương đương với phó từ *hết sức*. Đặc điểm khiến phó từ *cực lực* và *kịch liệt* nằm tách riêng với những phó từ chỉ mức độ khác là chúng không thể kết hợp với các tính từ mà chỉ kết hợp rất hạn chế với một vài động từ mang nghĩa chống đối, có tính chiến đấu cao: *cực lực phản đối, cực lực phản bác, cực lực lên án, kịch liệt phản đối, kịch liệt phê phán*, v.v.

(27) Tôi **cực lực công kích** sách vệ sinh đã dạy ta ăn uống phải sạch sẽ, nếu ta muốn được khỏe mạnh, béo tốt. [Nguyễn Công Hoan, *Đồng hào có ma*]

(28) Tôi **cực lực phản đối** những thủ đoạn chiến tranh cực kỳ man rợ ấy của Mỹ. [Hồ Chí Minh toàn tập]

Hy hữu mới thấy *cực lực* kết hợp với các động từ chỉ hoạt động khác, ví dụ:

(29) Các quan khách trong tiệc đều **cực lực hoan nghênh** hai bài diễn văn của Hồ Chủ tịch và của ông Bidault. [Hồ Chí Minh toàn tập]

Tuyệt và *tuyệt đối* đều kèm phụ trước cho các tính từ miêu tả, biểu thị mức độ cao nhất, tuyệt đối. Ví dụ:

(30) Về các môn xiếc, ông ta **tuyệt giỏi**, không một môn nào ông không đạt đến mức điêu luyện. [Phùng Quán, *Tuổi thơ dữ dội*]

(31) Chùm chìa khóa đã nằm gọn trong cái vợt, đáy vợt vải **tuyệt trắng** phủ lên trên. [Phùng Quán, *Tuổi thơ dữ dội*]

Tuyệt đối thì thường kèm phụ trước cho các động từ cũng nhằm biểu thị mức độ cao nhất.

* Cần lưu ý trường hợp *tuyệt*, *tuyệt đối* đứng trước phó từ phủ định thì chúng đã *chuyển loại thành trợ từ nhằm nhấn mạnh mức độ phủ định tuyệt đối*. Ở trong những trường hợp này, *tuyệt*, *tuyệt đối* nhấn mạnh bổ trợ cho nội dung phát ngôn. Ví dụ:

(32) Bại không nản, thắng không kiêu. **Tuyệt đối** tránh chủ quan, nông nổi. [Hồ Chí Minh toàn tập]

(33) **Tuyệt không** màng danh lợi. **Tuyệt chẳng** một ai biết. [ví dụ trong “Từ điển tiếng Việt”, tr.1369]

(34) Hồi trung đoàn 3 về đây làng đã hoang tàn, **tuyệt không** một bóng người còn sống. [Bảo Ninh, *Nỗi buồn chiến tranh*]

3. Kết luận

Phó từ mang đặc trưng tình thái rất cao, đặc biệt là đối với PTMĐ. Bởi vì, PTMĐ đã hàm chứa yếu tố đánh giá của người nói về sự kiện ngôn ngữ được đề cập đến. Do vậy, mỗi PTMĐ có những đặc điểm kết hợp, ý nghĩa tình thái và đặc điểm sử dụng rất riêng biệt. Chính những đặc trưng về ngữ pháp, ngữ nghĩa và đặc điểm sử dụng ấy lại chi phối lẫn nhau, làm nên tính đặc thù của phó từ chỉ mức độ của tiếng Việt,...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Biên (1996), *Từ loại tiếng Việt hiện đại*, Trường ĐHSP, Hà Nội.
2. Đinh Văn Đức (1986), *Ngữ pháp tiếng Việt (từ loại)*. Nxb Đại học và THCN, Hà Nội.
3. Đào Thanh Lan, *Về từ loại phó từ trong tiếng Việt*, Đề tài NCKH cấp ĐHQG, 2201.
4. Đỗ Phương Lâm (2014), *Hư từ Hán Việt trong tiếng Việt*, Luận án tiến sĩ ngữ văn, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Nguyễn Anh Quế (1988), *Hư từ trong tiếng Việt hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội.
6. Nguyễn Kim Thân (1997), *Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Ủy ban khoa học xã hội (1983), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb KHXH, Hà Nội.
8. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1998), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- Hoàng Phê (chủ biên; 2014), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng - Trung tâm từ điển học, Hà Nội.

NGŨ LIỆU

- [1] Nam Cao, *Tuyển tập truyện ngắn*, Nxb Văn học, 2011.
- [2] Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*, tiểu thuyết, Nxb Văn hóa thông tin, 2009.
- [3] Hồ Chí Minh toàn tập, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, 2011.
- [4] Nguyễn Tuân, *Vang bóng một thời*, tập truyện, Nxb Hội Nhà văn, tái bản năm 2021.
- [5] Vũ Trọng Phụng *tuyển tập*, Nxb Văn học, tái bản 2022.
- [6] Bảo Ninh, *Nỗi buồn chiến tranh*, Nxb Văn học.
- [7] Khái Hưng, *Nửa chừng xuân*.
- [8] Trần Đăng Khoa, *Chân dung và đối thoại*.
- [9] Nguyễn Minh Châu, *Dấu chân người lính*.
- [10] Nguyễn Công Hoan, *Tuyển tập truyện ngắn*.

Research on grammatical and semantic characteristics of degree of adverbs in Vietnamese

Abstract: In Vietnamese, adverbs are one of the most important function words to express grammatical relations such as tense, aspect,... Adverbs of degree notify the levels ranking either low, intermediate, high or utmost of states, features or performances. This paper focusses on analyzing the grammatical, semantic and practical features of the degree adverbs most frequently used in Vietnamese: *hơi, khá, tương đối, rất, lắm, quá, thậm chí, tối, cực, cực kì, cực lực*,... Hopefully, the findings of the research somehow make a contribution to enriching the theory of the functional words in Vietnamese and can be applied in Vietnamese teaching, especially to foreign learners of Vietnamese.

Key words: adverbs of degree; function words; grammatical; semantic and practical features; teaching Vietnamese to foreigners.